

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2021/HS-PT**

Ngày: 22/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Võ Việt Minh

Các Thẩm phán:

- Ông Đặng Văn Cường

- Ông Nguyễn Hồng Thái

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Việt Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: ông Đỗ Ngọc

Bích - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 95/2020/TLPT-HS ngày 09 tháng 11 năm 2020, do Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1964, tại tỉnh B.

Nơi cư trú: thôn Bình Long, xã Phan Rí Thành, huyện B, tỉnh B; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ N (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; vợ Nguyễn Thị Mỹ Đ, con có 02 người, lớn sinh năm 2004 và nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; tại ngoại; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trường trung học cơ sở Chí Công, do ông Nguyễn Văn T, Hiệu trưởng đại diện theo pháp luật; có mặt.

2. Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1964; trú tại: Thôn Hà Thủy 1, xã Chí Công, huyện T, tỉnh B; có mặt

3. Bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1982; trú tại: Thôn Thanh Lương, xã Chí Công, huyện T, tỉnh B; có mặt.

Người làm chứng: ông Huỳnh B, ông Trần Quang K; vắng mặt

Người kháng cáo: bị cáo Nguyễn Văn H

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường trung học cơ sở (THCS) Chí Công do ông Nguyễn Đình H làm Hiệu trưởng, ông Nguyễn Văn H làm kế toán, bà Nguyễn Thị Ánh N làm thủ quỹ. Việc quản lý tài chính của trường THCS Chí Công được thực hiện như sau:

Đối với việc thu, chi tiền mặt do bà Nguyễn Thị Ánh N quản lý theo dõi bằng sổ tự mở. Việc mở sổ này được ông Nguyễn Đình H, ông Nguyễn Văn H biết, có kiểm tra việc thu, chi. Nguồn thu bà Nguyễn Thị Ánh N quản lý theo dõi từ nguồn rút dự toán ngân sách và nguồn thu ngoài ngân sách do giáo viên thu của học sinh (tiền học phí, xây dựng, bảo hiểm y tế học sinh, ăn phẩm ghế ngồi ...) nộp cho bà Nguyễn Thị Ánh N. Khi cập nhật vào sổ theo dõi, bà Nguyễn Thị Ánh N không phân định, thể hiện chi tiết các khoản thu mà thể hiện tổng số tiền thu. Ngoài ra, có những khoản thu rút dự toán ngân sách để chi lương, truy nhận lương, công tác phí, bà Nguyễn Thị Ánh N không vào sổ theo dõi mà chi trực tiếp cho giáo viên của trường.

Khi thực hiện việc chi, ông Nguyễn Văn H kiểm soát chi, ông Nguyễn Đình H ký duyệt chi, bà Nguyễn Thị Ánh N sau khi chi tiền xong đưa chứng từ chi cho ông Nguyễn Văn H để quyết toán bằng đúng với số tiền ngân sách cấp. Nếu nội dung chi, chứng từ không đúng chế độ tài chính kế toán thì ông Nguyễn Văn H lập không chứng từ để quyết toán; chứng từ không đúng chế độ tài chính kế toán ông Nguyễn Văn H lưu giữ và đã làm thất lạc nhiều chứng từ chi. Quá trình theo dõi việc chi tiền không thể hiện chi tiết việc thu, chi từ nguồn nào và hiện không xác định được cụ thể.

Đối với việc thu, chi bằng hình thức chuyển khoản; trên cơ sở chứng từ, ông Nguyễn Văn H lập giấy rút dự toán ngân sách, ông Nguyễn Đình H ký duyệt và kho bạc kiểm soát việc chi, chuyển tiền cho tổ chức, cá nhân thụ hưởng.

Trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/8/2013, trường THCS Chí Công tổng thu số tiền 19.423.616.481 đồng trong đó thu ngân sách số tiền 18.296.558.981 đồng, thu ngoài ngân sách số tiền 1.127.057.500 đồng; bà Nguyễn Thị Ánh N quản lý theo dõi số tiền 5.846.519.822 đồng, đã chi số tiền 5.830.660.363 đồng trong đó không còn chứng từ số tiền 1.502.482.465 đồng; có chứng từ số tiền 4.328.177.898 đồng; tồn quỹ 15.859.459 đồng. Số tiền này, bà Nguyễn Thị Ánh N đã nộp lại cho cơ quan điều tra.

Số tiền thu còn lại 13.577.096.659 đồng; đã chi 13.537.317.109 đồng bằng hình thức chuyển khoản (chi lương, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, văn phòng phẩm, điện, nước...); trong đó Nguyễn Văn H chiếm đoạt số tiền 39.779.550 đồng và đã khắc phục hậu quả nộp cho cơ quan điều tra.

Cách thức chiếm đoạt của Nguyễn Văn H là lập chứng từ không chi mua tủ hồ sơ để chiếm đoạt số tiền 1.200.000 đồng. Nguyễn Văn H nhiều lần nhờ ông Phạm Thanh N, ông Trần Quang K và ông Huỳnh B là những người quen biết ngoài xã hội đứng tên rút tiền ngân sách số tiền là 51.149.550 đồng đem về đưa cho Hai và không hưởng lợi gì. Nguyễn Văn H chi công tác phí có chứng từ số tiền 12.570.000 đồng, số tiền còn lại Hai quyết toán không rồi chiếm đoạt số tiền 38.579.550 đồng. Ông Nguyễn Đình H không biết và không có hưởng lợi từ việc này.

Đối với số tiền chi 13.537.317.109 đồng bằng hình thức chuyển khoản được kho bạc T kiểm soát việc chi sau khi xác định chứng từ chi đúng chế độ tài chính kế toán, chuyển tiền cho các cá nhân, tổ chức thụ hưởng nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không giám định số tiền chi này.

Đối với các khoản chi số tiền 5.830.660.363 đồng trong đó không còn chứng từ số tiền 1.502.482.465 đồng (chi lương, chi truy nhận lương, chi tiền cho giáo viên dạy giỏi số tiền 412.386.985 đồng, chi nộp tiền bảo hiểm y tế cho học sinh số tiền 142.490.000 đồng, chi nộp tiền bảo hiểm thân thể cho học sinh số tiền 207.200.000 đồng, chi mua đồ thể dục học sinh 78.931.000 đồng, chi mua bảng tên trường số tiền 26.110.000 đồng, chi cho hoạt động của trường số tiền 635.364.480 đồng); có chứng từ số tiền 4.328.177.898 đồng, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định số 109 ngày 12/8/2019 trưng cầu giám định viên Nguyễn Tuấn Khanh, Giám đốc Trung tâm Mua tài sản công thuộc Sở Tài chính tỉnh B giám định thiệt hại để làm căn cứ xem xét, xử lý đối với những cá nhân có liên quan. Ngày 27/8/2019, giám định viên Nguyễn Tuấn Khanh có văn bản trả lời từ chối giám định với lý do một số khoản chi không có chứng từ kế toán và chưa làm rõ được số tiền đã thu, đã chi từng nguồn thu cụ thể.

Ngày 09/9/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T có văn bản số 603 đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện T thẩm định số tiền đã chi có chứng từ số tiền 4.328.177.898 đồng; đối với các khoản chi không còn chứng từ số tiền 1.502.482.465 đồng, qua làm việc Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện T không thẩm định được vì chi không có chứng từ kế toán.

Ngày 14/11/2019, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện T có văn bản số 666 trả lời kết quả thẩm định xác định các khoản chi không đúng chế độ tài chính, kế toán, không chấp nhận quyết toán với số tiền 142.140.138 đồng. Số tiền chi không chấp nhận quyết toán này không xác định được chi từ nguồn dự toán ngân sách hay chi từ nguồn ngoài ngân sách.

Đối với các khoản chi số tiền 5.830.660.363 đồng trong đó không còn chứng từ số tiền 1.502.482.465 đồng (chi lương, chi truy nhận lương, chi tiền cho giáo viên dạy giỏi số tiền 412.386.985 đồng, chi nộp tiền bảo hiểm y tế cho học sinh số tiền 142.490.000 đồng, chi nộp tiền bảo hiểm thân thể cho học sinh số tiền 207.200.000 đồng, chi mua đồ thể dục học sinh 78.931.000 đồng, chi mua bảng tên trường số tiền 26.110.000 đồng, chi cho hoạt động của trường số tiền 635.364.480 đồng); có chứng từ số tiền 4.328.177.898 đồng, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định tách vụ án hình sự để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Tuyên bố Nguyễn Văn H phạm tội “Tham ô tài sản”

Căn cứ khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước 15.859.459 đồng và trả cho bà Trần Thị Ánh N 140.541 đồng trong số tiền 16.000.000 đồng tại biên lai thu số 0002337, ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T

Tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước 39.779.550 đồng và trả cho bị cáo Nguyễn Văn H 20.450 đồng trong số tiền 39.800.000 đồng tại biên lai thu số 0002336, ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, bị cáo kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo. Ngày 09 tháng 6 năm 2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B có Quyết định số 173/QĐ-VKS-P7 kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T theo hướng áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Ý kiến của Kiểm sát viên: án sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội “*Tham ô tài sản*” là đúng. Tuy nhiên, bị cáo đã 07 lần thực hiện hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản của Nhà nước mà mỗi lần phạm tội có đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự, trong số các lần phạm tội này chưa có lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “*Phạm tội 02 lần trở lên*”. Nên đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa:

- Bị cáo giữ nguyên yêu cầu xin được hưởng án treo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đề nghị áp dụng tình tiết định khung theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo.

Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét cả yêu cầu xin được hưởng án treo của bị cáo cũng như yêu cầu tăng hình phạt của Viện kiểm sát.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai báo hành vi phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: trong năm 2011, bị cáo Nguyễn Văn H là kế toán của trường THCS Chí Công đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt số tiền 38.579.550 đồng là tài sản của Nhà nước mà bị cáo có trách nhiệm quản lý; bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Do vậy, án sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội “*Tham ô tài sản*” theo Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, Hội đồng xét xử thấy rằng: từ ngày 22/6 đến ngày 20/9/2011, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản của Nhà nước. Cụ thể ngày 22/6/2011 chiếm đoạt 10.024.000 đồng; ngày 13/7/2011 chiếm đoạt 9.574.000 đồng; ngày 22/7/2011 chiếm đoạt 3.501.900 đồng; ngày 25/7/2011 chiếm đoạt 3.556.350 đồng; ngày 10/8/2011 chiếm đoạt 2.480.000 đồng; ngày 23/8/2011 chiếm đoạt 2.360.000 đồng và ngày 20/9/2011 chiếm đoạt 7.083.000 đồng.

Như vậy, bị cáo đã 07 lần thực hiện hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản của Nhà nước mà mỗi lần phạm tội có đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự; trong số các lần phạm tội này chưa có lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “*Phạm tội 02 lần trở lên*”. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ bị cáo chiếm đoạt số tiền 38.579.550 đồng (dưới 100.000.000 đồng) để áp dụng khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự và xét xử bị cáo 06 tháng tù là chưa đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội. Nên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ.

[4] Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn là phù hợp.

[5] Về kháng cáo của bị cáo đề nghị cho hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Điều 3, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, quy định những trường hợp không cho hưởng án treo:

“1. Người phạm tội là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, côn đồ, dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tính chất chuyên nghiệp, lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng...”

5. Người phạm tội nhiều lần, trừ trường hợp người phạm tội là người dưới 18 tuổi”.

Bị cáo lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi và phạm tội nhiều lần nên yêu cầu xin được hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 355 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

2. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn H** phạm tội “Tham ô tài sản”

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn H **02** (hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

3. Về án phí: áp dụng Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thái – Đặng Văn Cường

Võ Việt Minh

